

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-05-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 24 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 6/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-DS, ngày 26/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1969 (Xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: số 61/5, ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc L qua mai mối rồi tìm hiểu nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/4/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng về bên gia đình ông ở xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, vợ ông bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân trên 13 năm. Thời gian sống ly thân ông có đến gặp bà L nhưng không hàn gắn được chuyện gia đình. Bản thân ông thấy vợ chồng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Về con chung: Ông Đ giao 02 con chung là Lê Trung H, sinh ngày 08/01/2006, Lê Trung T, sinh ngày 12/03/2007 cho bà L nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ .

- Ngày 26/04/2021, nguyên đơn ông Lê Văn Đ có đơn xin vắng mặt, ông có ý kiến trình bày: Ông yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Về con chung: Ông Đ giao 02 con chung là Lê Trung H, sinh ngày 08/01/2006, Lê Trung T, sinh ngày 12/03/2007 cho bà L nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con*”; bị đơn Nguyễn Thị Ngọc L có nơi cư trú tại xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Lê Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; đối với bị đơn Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc L qua mai mối rồi tìm hiểu nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/4/2006, do đó hôn nhân của ông Đ, bà L là hợp pháp.

Ông Lê Văn Đ trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về bên gia đình ông ở xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, vợ ông bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân trên 13 năm, thời gian sống ly thân ông có đến gặp bà L nhưng không hàn gắn được chuyện gia đình. Bản thân ông thấy vợ chồng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, hiện tại ông Đ, bà L đã sống ly thân trên 13 năm; bà L đã về xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sinh sống, còn ông Đ thì sinh sống xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, hiện nay ở ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ được ly hôn với bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung*: Có 02 con chung là Lê Trung H, sinh ngày 08/01/2006, Lê Trung T, sinh ngày 12/03/2007, hiện các con đang sống chung với bà L, khi ly hôn ông Đ giao 02 con cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Trung H, sinh ngày 08/01/2006, Lê Trung T, sinh ngày 12/03/2007 đang sống chung với bà L, hiện do bà L chăm sóc, giáo dục và có nguyện vọng sống chung với bà L. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển, nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Đ là giao cháu Lê Trung H, sinh ngày 08/01/2006, Lê Trung T, sinh ngày 12/03/2007 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị Ngọc L chưa yêu cầu, ông Lê Văn Đ cũng không cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Lê Văn Đ khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

[2]. *Về con chung*: Giao 02 cháu là Lê Trung H, sinh ngày 08/01/2006, Lê Trung T, sinh ngày 12/03/2007 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Ông Lê Văn Đ được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị Ngọc L chưa yêu cầu, ông Lê Văn Đ cũng không cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Lê Văn Đ khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Lê Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N_o 0010872 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo